Số: 2611365/KQKN
Mã số: 2611030-1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH LẤY TẠI ĐÀI 500 - ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ - XÃ DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Tình trạng mẫu: Mẫu nước, chứa trong chai kín bên ngoài có ghi tên mẫu

Ngày nhận mẫu: 03/11/2026 **Thời gian thử nghiệm:** 03/11 - 07/11/2026

Ngày trả kết quả: 09/11/2026

Kết quả: Xem trang 2/2

Kết luận: ***Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng QCĐP 01:2023/LĐ, ngày 05/09/2023***

Phụ trách chất lượng	Phó Giám Đốc
Nguyễn Thị Thi	Nguyễn Kim Liễu

1. *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.*
2. *Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.*
3. *Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.*
4. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.*
5. *(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)*
6. *KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection*
7. *Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.*

Số: 2611365/KQKN
Mã số: 2611030-1
Trang 2 |2

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2023/LĐ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Coliforms	CFU/100mL	**0**	<3	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
2	*Escherichia coli*	CFU/100mL	**0**	<1	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
3	Arsen (As)	mg/L	**KPH (LOD=0.00030)**	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
4	Clo dư	mg/L	**0.36 (<LOQ=0.80)**	0.2 - 1.0	TCVN 6225-3:2011 (*)
5	Độ đục	NTU	**KPH (LOD=0.30)**	2	KN/QTH370 (2023) (Ref. SMEWW 2130B: 2023) (*)
6	Màu sắc	TCU	**KPH (LOD=5.00)**	15	TCVN 6185:2015 (*)
7	Mùi, vị	-	**Không có mùi, vị lạ**	Không có mùi, vị lạ	KN/QTH334 (2023) (Ref. TCVN 2653:1978)
8	pH	-	**6.91**	6.0 - 8.5	TCVN 6492:2011 (*)

Số: 2611366/KQKN
Mã số: 2611030-2
Trang 1 |2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH LẤY TẠI TRẠM HÒA NINH - THÔN 3 ĐINH TRANG HÒA - XÃ HÒA NINH - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Tình trạng mẫu: Mẫu nước, chứa trong chai kín bên ngoài có ghi tên mẫu

Ngày nhận mẫu: 03/11/2026 **Thời gian thử nghiệm:** 03/11 - 07/11/2026

Ngày trả kết quả: 09/11/2026

Kết quả: Xem trang 2/2

Kết luận: ***Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng QCĐP 01:2023/LĐ, ngày 05/09/2023***

Phụ trách chất lượng	Phó Giám Đốc
Nguyễn Thị Thi	Nguyễn Kim Liễu

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
3. Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
4. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
5. (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
6. KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
7. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.

Số: 2611366/KQKN
Mã số: 2611030-2
Trang 2 /2

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2023/LĐ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Coliforms	CFU/100mL	**0**	<3	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
2	*Escherichia coli*	CFU/100mL	**0**	<1	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
3	Arsen (As)	mg/L	**0.0019**	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
4	Clo dư	mg/L	**0.36 (<LOQ=0.80)**	0.2 - 1.0	TCVN 6225-3:2011 (*)
5	Độ đục	NTU	**KPH (LOD=0.30)**	2	KN/QTH370 (2023) (Ref. SMEWW 2130B: 2023) (*)
6	Màu sắc	TCU	**KPH (LOD=5.00)**	15	TCVN 6185:2015 (*)
7	Mùi, vị	-	**Không có mùi, vị lạ**	Không có mùi, vị lạ	KN/QTH334 (2023) (Ref. TCVN 2653:1978)
8	pH	-	**7.21**	6.0 - 8.5	TCVN 6492:2011 (*)

Số: 2611367/KQKN
Mã số: 2611030-3
Trang 1 |2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH LẤY TẠI 67 ĐỒNG LẠC 2 - XÃ BẢO THUẬN - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Tình trạng mẫu: Mẫu nước, chứa trong chai kín bên ngoài có ghi tên mẫu

Ngày nhận mẫu: 03/11/2026 **Thời gian thử nghiệm:** 03/11 - 07/11/2026

Ngày trả kết quả: 09/11/2026

Kết quả: Xem trang 2/2

Kết luận: ***Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng QCĐP 01:2023/LĐ, ngày 05/09/2023***

Phụ trách chất lượng	Phó Giám Đốc
Nguyễn Thị Thi	Nguyễn Kim Liễu

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
3. Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
4. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
5. (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
6. KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
7. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2023/LĐ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Coliforms	CFU/100mL	**0**	<3	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
2	*Escherichia coli*	CFU/100mL	**0**	<1	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
3	Arsen (As)	mg/L	**KPH (LOD=0.00030)**	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
4	Clo dư	mg/L	**0.27 (<LOQ=0.80)**	0.2 - 1.0	TCVN 6225-3:2011 (*)
5	Độ đục	NTU	**KPH (LOD=0.30)**	2	KN/QTH370 (2023) (Ref. SMEWW 2130B: 2023) (*)
6	Màu sắc	TCU	**KPH (LOD=5.00)**	15	TCVN 6185:2015 (*)
7	Mùi, vị	-	**Không có mùi, vị lạ**	Không có mùi, vị lạ	KN/QTH334 (2023) (Ref. TCVN 2653:1978)
8	pH	-	**7.51**	6.0 - 8.5	TCVN 6492:2011 (*)

Số: 2611368/KQKN
Mã số: 2611030-4
Trang 1 |2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH

Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH LẤY TẠI 181 THÔN LIÊN ĐẦM 9 - XÃ DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Tình trạng mẫu: Mẫu nước, chứa trong chai kín bên ngoài có ghi tên mẫu

Ngày nhận mẫu: 03/11/2026 **Thời gian thử nghiệm:** 03/11 - 07/11/2026

Ngày trả kết quả: 09/11/2026

Kết quả: Xem trang 2/2

Kết luận: ***Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng QCĐP 01:2023/LĐ, ngày 05/09/2023***

Phụ trách chất lượng	Phó Giám Đốc
Nguyễn Thị Thi	Nguyễn Kim Liễu

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
3. Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
4. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
5. (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
6. KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
7. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.

Số: 2611368/KQKN
Mã số: 2611030-4
Trang 2 | 2

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2023/LĐ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Coliforms	CFU/100mL	**0**	<3	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
2	*Escherichia coli*	CFU/100mL	**0**	<1	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
3	Arsen (As)	mg/L	**KPH (LOD=0.00030)**	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
4	Clo dư	mg/L	**0.54 (<LOQ=0.80)**	0.2 - 1.0	TCVN 6225-3:2011 (*)
5	Độ đục	NTU	**KPH (LOD=0.30)**	2	KN/QTH370 (2023) (Ref. SMEWW 2130B: 2023) (*)
6	Màu sắc	TCU	**KPH (LOD=5.00)**	15	TCVN 6185:2015 (*)
7	Mùi, vị	-	**Không có mùi, vị lạ**	Không có mùi, vị lạ	KN/QTH334 (2023) (Ref. TCVN 2653:1978)
8	pH	-	**7.53**	6.0 - 8.5	TCVN 6492:2011 (*)

Số: 2611369/KQKN
Mã số: 2611030-5
Trang ***1 \| 2***

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH LẤY TẠI 90 THÔN 2 A ĐINH TRANG HÒA - XÃ HÒA NINH - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Tình trạng mẫu: Mẫu nước, chứa trong chai kín bên ngoài có ghi tên mẫu

Ngày nhận mẫu: 03/11/2026 **Thời gian thử nghiệm:** 03/11 - 07/11/2026

Ngày trả kết quả: 09/11/2026

Kết quả: Xem trang 2/2

Kết luận: ***Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng QCĐP 01:2023/LĐ, ngày 05/09/2023***

Phụ trách chất lượng	Phó Giám Đốc
Nguyễn Thị Thi	Nguyễn Kim Liễu

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
3. Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
4. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
5. (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
6. KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
7. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.

Số: 2611369/KQKN
Mã số: 2611030-5
Trang 2 | 2

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2023/LĐ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Coliforms	CFU/100mL	**0**	<3	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
2	*Escherichia coli*	CFU/100mL	**0**	<1	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
3	Arsen (As)	mg/L	**KPH (LOD=0.00030)**	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
4	Clo dư	mg/L	**0.54 (<LOQ=0.80)**	0.2 - 1.0	TCVN 6225-3:2011 (*)
5	Độ đục	NTU	**KPH (LOD=0.30)**	2	KN/QTH370 (2023) (Ref. SMEWW 2130B: 2023) (*)
6	Màu sắc	TCU	**KPH (LOD=5.00)**	15	TCVN 6185:2015 (*)
7	Mùi, vị	-	**Không có mùi, vị lạ**	Không có mùi, vị lạ	KN/QTH334 (2023) (Ref. TCVN 2653:1978)
8	pH	-	**7.55**	6.0 - 8.5	TCVN 6492:2011 (*)